| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 193/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2025
V/v tranh chấp Ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Duyên Văn Hiền**

Bà **Nguyễn Huỳnh Hưỡng**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978.

*2. Bị đơn*: Bà **Võ Thúy K**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Tại phiên toà: Ông T và bà K đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn T** trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Võ Thúy K sống chung như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn.

Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thúy K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 1997 (giới tính: Nam), Nguyễn Thị Diệu N, sinh năm 2000 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 2001 (giới tính: Nữ). Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay, ông Nguyễn Văn T đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà **Võ Thúy K** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông T.

Bà và ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn.

Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà thống nhất ly hôn ông T.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông T.

Vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 1997 (giới tính: Nam), Nguyễn Thị Diệu N, sinh năm 2000 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 2001 (giới tính: Nữ). Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông T, không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay, bà Võ Thúy K đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và bị đơn là bà Võ Thúy K đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là tranh chấp về Ly hôn, bị đơn là bà Võ Thúy K có nơi cư trú tại ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân:

Ông T và bà K xác định, sống chung như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được

nên ông T và bà K thống nhất ly hôn.

Xét, việc ông T và bà K thừa nhận chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đã vi phạm về hình thức. Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trường, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà K là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà K có 03 người con chung Nguyễn Văn C, sinh năm 1997 (giới tính: Nam), Nguyễn Thị Diệu N, sinh năm 2000 (giới tính: Nữ), Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 2001 (giới tính: Nữ).

Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, ông T và bà K không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng, nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản, nợ: Ông T và bà K không ai có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông T, ông T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào**: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận giữa ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thúy K là vợ chồng.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng ông

T đã dự nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000340 ngày 17/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thúy K vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- Các đương sự (02b);
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thành Quang**